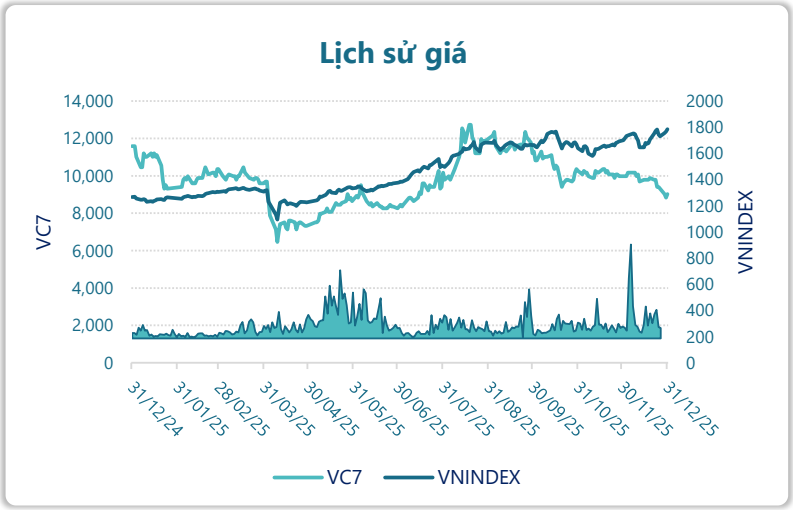
FireAnt

CTCP Tập đoàn BGI (HNX: VC7)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,730
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,460
SL cổ phiếu LH	96,090,556
KLGD BQ 20 phiên (CP)	222,255
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	913
P/E	35.9
EPS	264

DT thuần

Q4/25

193

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 54.0| 39.0%

YoY: ▲ 84.0| 77.3%

LN sau thuế

Q4/25

5.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.72| 41.3%

YoY: ▲ 7.80| 411%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

7.3%

+/- YoY: ▼ 1.9%

DT thuần

2025

533

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 239| 81.4%

LN sau thuế

2025

22.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.40| 49.4%

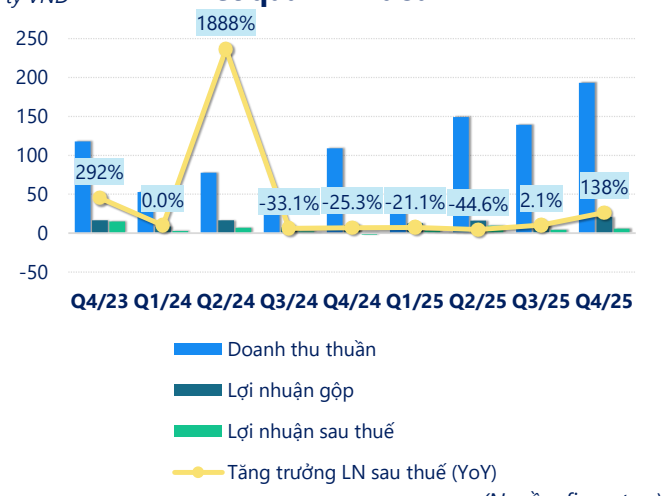
ROE

2025

2.4%

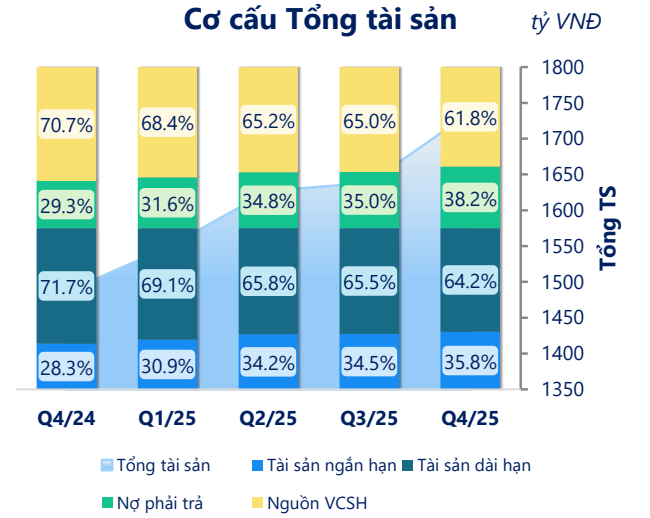
+/- YoY: ▲ 1.0%

Kết quả kinh doanh



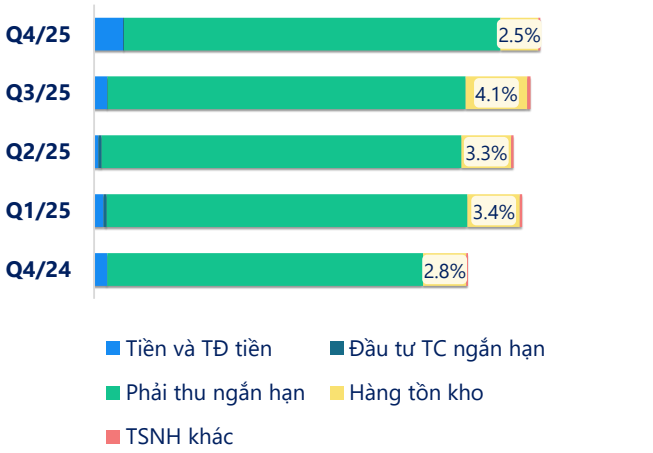
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



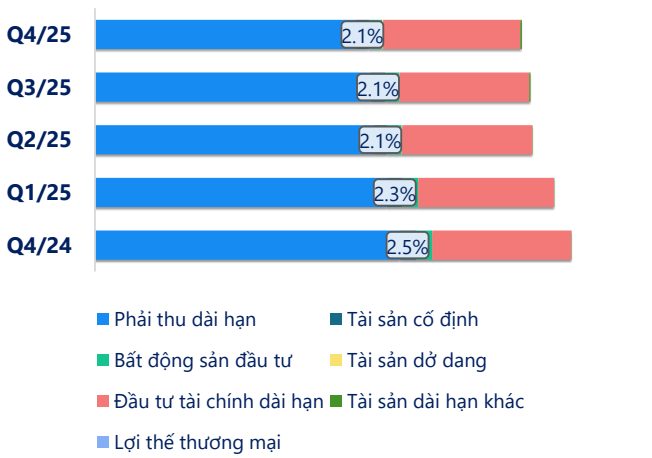
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



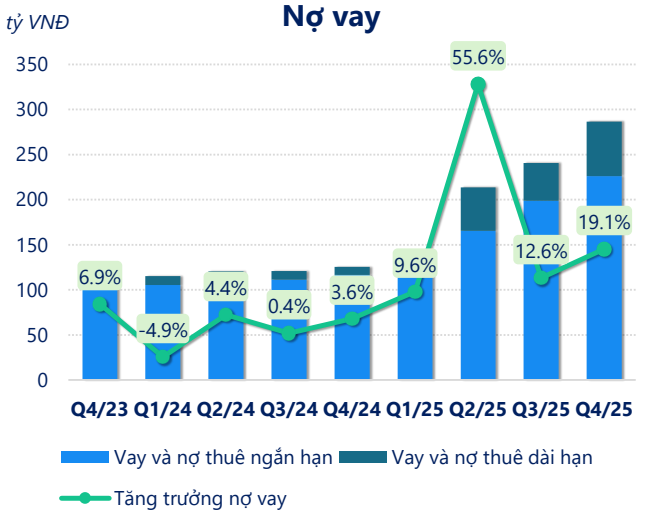
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



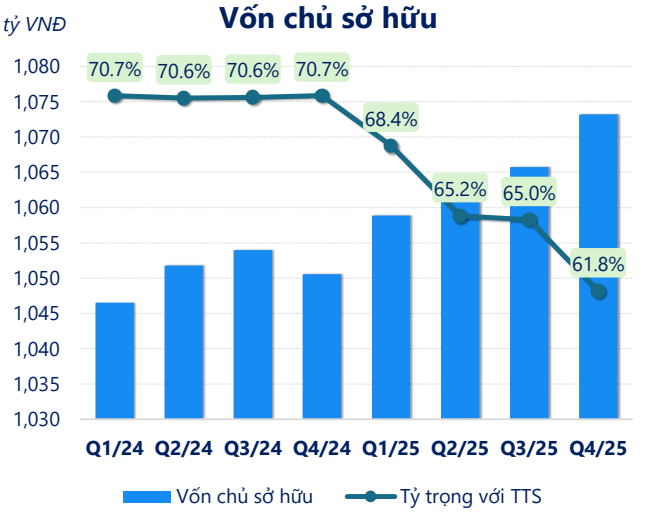
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



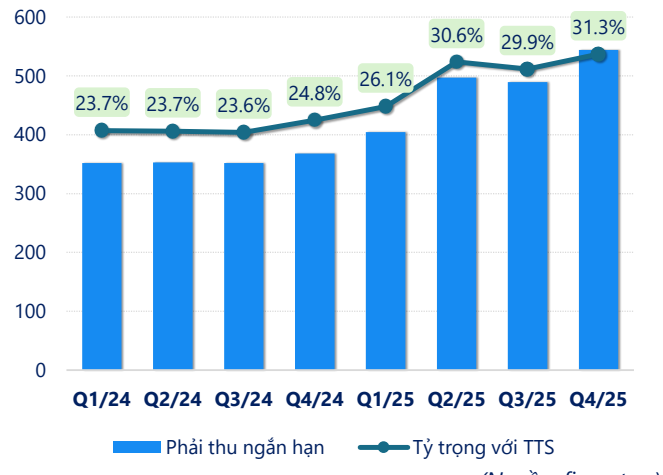
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



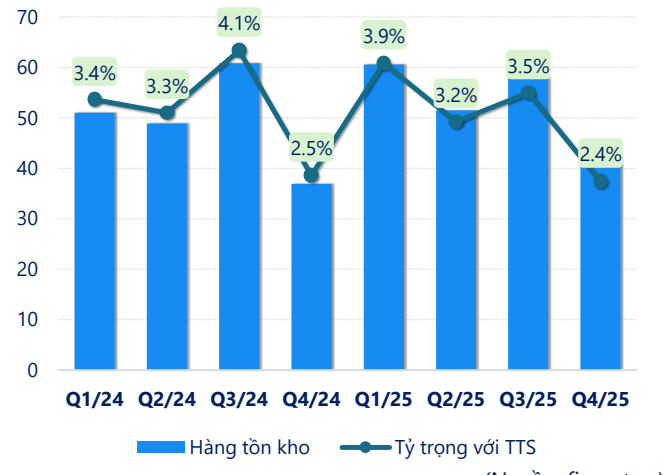
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



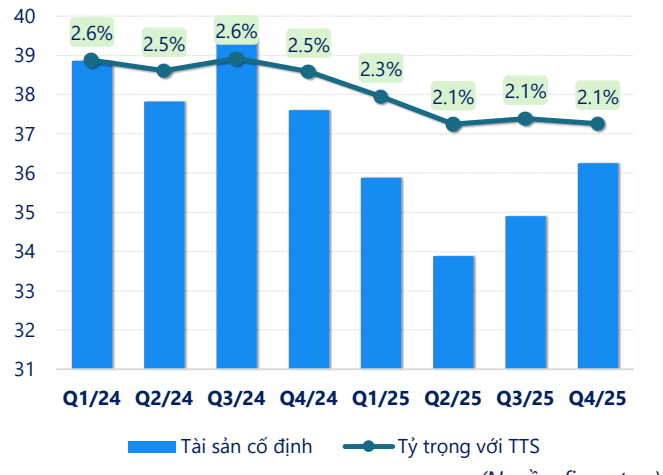
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



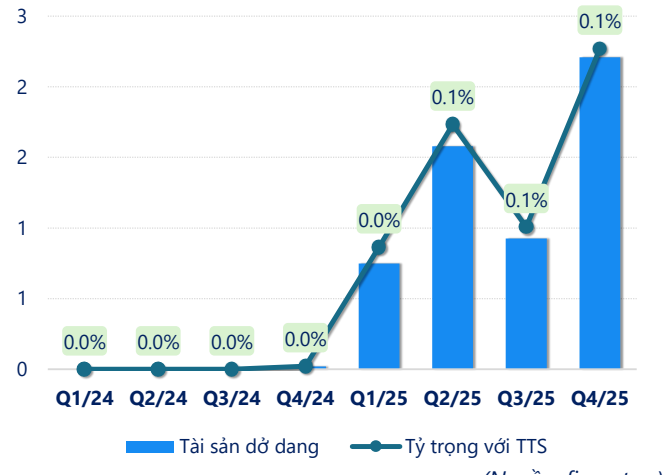
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



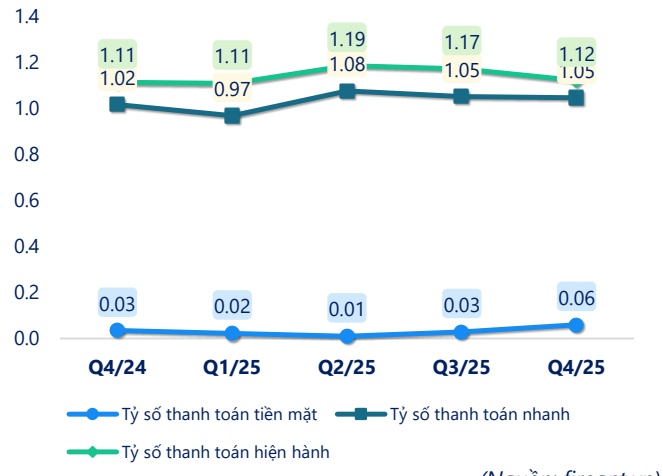
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



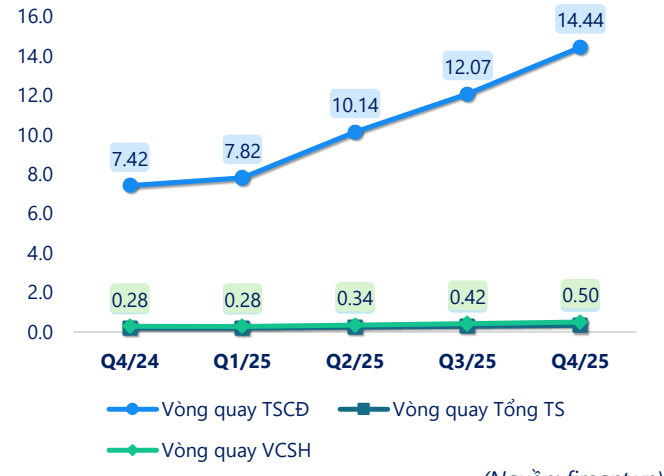
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,486**	**1,548**	**1,627**	**1,638**	**1,736**
Tài sản ngắn hạn	**421**	**479**	**556**	**565**	**621**
Tiền và tương đương tiền	13.0	9.65	4.61	13.9	33.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.08	0.48	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	368	405	497	489	544
Hàng tồn kho	36.9	60.6	51.5	57.9	41.8
Tài sản ngắn hạn khác	2.04	3.11	2.75	3.53	2.66
Tài sản dài hạn	**1,065**	**1,069**	**1,071**	**1,074**	**1,115**
Phải thu dài hạn	680	680	681	680	680
Tài sản cố định	37.6	35.9	33.9	34.9	36.3
Bất động sản đầu tư	36.6	36.0	35.4	34.9	34.3
Tài sản dở dang	0.02	0.75	1.58	0.93	2.21
Đầu tư tài chính dài hạn	310	316	318	320	358
Tài sản dài hạn khác	0.20	0.23	0.27	3.14	3.95
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**436**	**489**	**566**	**573**	**663**
Nợ ngắn hạn	**378**	**432**	**469**	**482**	**554**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	117	129	166	199	226
Phải trả người bán ngắn hạn	65.9	55.0	65.0	57.4	97.5
Nợ dài hạn	57.7	57.4	97.2	91.1	109
Vay và nợ thuê dài hạn	8.64	8.43	48.2	42.0	60.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,051**	**1,059**	**1,061**	**1,066**	**1,073**
Vốn chủ sở hữu	**1,051**	**1,059**	**1,061**	**1,066**	**1,073**
Vốn điều lệ	961	961	961	961	961
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)